

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 19-01-2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dữ;

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS, ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Trần Trung H**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. **Bà Lâm Thị Ngọc Ng**, sinh năm: 1990 (Vắng mặt);

2. 2. **Bà Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1954 (Vắng mặt).

Cả 02 cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Trần Trung H, như sau:

Trước ngày 29/12/2018, ông có cho bà Lâm Thị Ngọc Ng vay tiền nhiều lần. Đến ngày 29/12/2018 ông và bà Ng tổng kết nợ, theo đó bà Ng còn nợ ông số tiền 1.246.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 04/01/2019. Tuy nhiên từ khi tổng kết nợ cho đến hết thời hạn trả nợ, bà Ng không trả tiền vốn vay cho ông.

Ngày 29/01/2019, bà Ng cùng mẹ của bà Ng là bà Nguyễn Thị B đứng ra bảo lãnh và cam kết trả tiền cho ông thành 02 đợt, cụ thể: Ngày 29/4/2019 sẽ trả 600.000.000đ và ngày 30/6/2019 sẽ trả 646.000.000đ cùng tiền lãi với lãi suất 5%/tháng.

Tuy nhiên đến nay bà Ng và bà B vẫn không trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông. Nay ông yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông số tiền vốn vay là 1.246.000.000đ và tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tương đương 1,6%/tháng, tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày 29/9/2020 là 20 tháng, thành tiền là 398.720.000đ, tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 1.644.720.000đ.

2. Bị đơn, bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do nhưng có văn bản đề ngày 27/10/2020 trình bày ý kiến: Từ ngày 29/12/2018 cho đến nay bà Ng và bà B đã nhiều lần trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông H đồng thời xin gia hạn 30 ngày kể từ ngày 27/10/2020 để cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng không cung cấp và cũng không đến Tòa án do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Tuy nhiên nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thêm 03 tháng tiền lãi tính từ ngày 29/9/2020 đến ngày 29/12/2020, tổng cộng là 23 tháng với số tiền là $1.246.000.000đ \times 1,6\%/tháng \times 23 tháng = 458.528.000đ$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Trung H khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B trả số tiền vốn vay và tiền lãi. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bà Ng và bà B

có địa chỉ tại xã N, huyện T, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đồng bị đơn, bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B, đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Trần Trung H trình bày trước ngày 29/12/2018 ông H có cho bà Ng vay tiền nhiều lần, đến ngày 29/12/2018 bà Ng làm hợp đồng vay tiền, xác nhận có nợ ông H 1.246.000.000đ, thỏa thuận ngày 04/01/2019 sẽ trả nhưng bà Ng không trả. Ngày 29/01/2019, bà Ng và mẹ là bà Nguyễn Thị B tiếp tục cam kết trả tiền cho ông H vào ngày 29/4/2019 và ngày 30/6/2019 nhưng bà Ng và bà B vẫn không trả. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà Ng và bà B liên đới trả số tiền vốn vay là 1.246.000.000đ và 458.528.000đ tiền lãi, tổng cộng là 1.704.528.000đ.

[4] Ngược lại, bà Ng và bà B có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải của Tòa án và đã làm văn bản trình bày xác nhận có vay tiền của ông H nhưng số tiền ông H khởi kiện là không đúng. Bà Ng, bà B xin gia hạn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 27/10/2020, bà Ng và bà B sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền vốn và tiền lãi đã trả cho ông H. Tuy nhiên, sau đó Tòa án tiếp tục mời hòa giải và ban hành quyết định xét xử nhưng bà Ng, bà B đều vắng mặt không có lý do đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh việc có trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông H. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến phản đối của bị đơn.

[5] Do bị đơn không phản đối về nội dung và chữ ký trong hợp đồng vay tiền mà chỉ phản đối về số tiền nguyên đơn khởi kiện vì cho rằng đã có trả tiền vốn vay và tiền lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản đối của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, sử dụng chứng cứ do nguyên đơn nộp là hợp đồng vay tiền ngày 29/12/2018 và thỏa thuận, cam kết bảo lãnh ngày 29/01/2019 để xem xét giải quyết vụ án. Nội dung hợp đồng vay tiền thể hiện bà Ng có vay của ông H 1.246.000.000đ và nội dung thỏa thuận ngày 29/01/2019 được ghi tiếp theo hợp đồng vay tiền thể hiện bà B

có bảo lãnh cho bà Ng trả số tiền vốn vay và tiền lãi cho ông H. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 335, 336 của Bộ luật dân sự quy định về bảo lãnh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Ng và bà B liên đới trả 1.246.000đ tiền vốn vay.

[6] Về tiền lãi: Ông H yêu cầu bà Ng, bà B trả tiền lãi tính trên số tiền vốn vay với lãi suất 20%/năm tính từ ngày thỏa thuận là ngày 29/01/2019. Nội dung thỏa thuận ngày 29/01/2019 có ghi bà Ng và bà B phải trả tiền lãi cho ông H với lãi suất 5%/tháng. Như vậy hai bên có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng lãi suất 5%/tháng, tương đương 60%/năm là cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên phần thỏa thuận về lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn ($60\%/năm - 20\%/năm = 40\%/năm$) không có hiệu lực. Tuy nhiên ông H chỉ yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm là phù hợp nên được chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày 29/12/2020 là 23 tháng với lãi suất 20%/năm, tương đương 1,6%/tháng là 458.528.000đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Ng và bà B phải liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi cho ông H nên bà Ng và bà B phải liên đới chịu án phí tính trên số tiền này. Tuy bà B trên 60 tuổi, là người cao tuổi thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nhưng bà B không làm đơn yêu cầu, do đó không được Hội đồng xét xử xem xét. Ông Trần Trung H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468, 335, 336 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho ông Trần Trung H 1.246.000.000đ tiền vốn vay và 458.528.000đ tiền lãi, tổng cộng là 1.704.528.000đ (Một tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu 63.136.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Trung H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.671.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 4250, ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- THA DS Huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Dũng